

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
giữa chị Th và anh T”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Vân Anh.
- Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982.

2. Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1972.

Đều cùng đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Xóm T1, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị Th; vắng mặt không có lý do anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 17-4-2024, bản tự khai trong các ngày 07-10-2024 và 14-10-2024 cũng như lời khai trong suốt quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th đã trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 22-01-1999 và đã

được Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn chị Th và anh T đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được đến hết năm 2021, sau đó sang đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách của chị Th và anh T không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm sống, ngoài ra còn do anh T có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người phụ nữ khác rồi anh T mãi mê chơi bời, anh T không chịu đi làm để kiếm tiền lo toan cho cuộc sống của gia đình và anh T không có quan tâm, chăm sóc gì vợ, con, gia đình từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng lại xảy ra xô sát, đánh cãi chửi nhau và đã có lần anh T dùng dao bấm hành hung chị Th, đánh gây thương tích cho chị Th ở đầu, lần đó chị Th phải đi Bệnh viện khâu 08 mũi ở đầu nhưng mà anh T cũng không hề có hỏi thăm hay xin lỗi gì chị Th. Vì vậy, mà vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không có hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày lại càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Nên, chị Th và anh T đã phải sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cũng như mọi quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau theo quy định của pháp luật suốt từ tháng 08- 2022 cho đến nay. Do lo sợ nếu vẫn cứ tiếp tục sống chung cùng nhà với anh T thì anh T lại tiếp tục có những hành vi bạo lực đối với chị Th nên tháng 02-2023 mẹ con chị Th đã phải thuê nhà ở nơi khác để ở và sinh sống riêng. Trong thời gian chị Th và anh T sống ly thân với nhau thì chị Th và các con chung của vợ chồng đã cố gắng tìm mọi cách, mọi biện pháp để khuyên giải, để nói chuyện với anh T để cho anh T nhận ra sai phạm của bản thân để mà sửa đổi bản thân nhưng mà anh T cũng không có thay đổi, sửa đổi bản thân được gì. Chị Th đã xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh T đã kéo dài và đã rất trầm trọng, bản thân chị Th nay cũng không còn có chút tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì đối với anh T nữa. Nên, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy, đời sống chung giữa chị Th và anh T không thể kéo dài thêm được nữa. Do đó, chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Th được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T có 03 con chung là Phạm Thị LA, sinh ngày 09-02-1999; Phạm T3, sinh ngày 27-01-2005 và Phạm Thị Ngọc D1, sinh ngày 04-10-2012. Hiện nay 02 con chung là Phạm Thị LA và Phạm T3 thì đều đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được rồi nên chị Th không yêu Tòa án giải quyết. Còn 01 người con chung chưa thành niên là Phạm Thị Ngọc D1 thì hiện nay vẫn còn đang đi học và đang trực tiếp ở cùng với chị Th. Vì vậy, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên và chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi người con chung chưa thành niên cùng với chị.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị Th có đầy đủ các điều kiện cần thiết để trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của vợ chồng và chị Th sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con. Hiện nay chị Th đang có 01 cửa

hàng kinh doanh buôn bán Sơn tại khu vực chợ Hàu, xã L, huyện V, ngoài ra thì chị Th còn trực tiếp nhận thi công Sơn cho các công trình xây dựng. Thu nhập bình quân của chị Th khoảng từ 10 đến 15 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Phạm Minh T: Trong quá trình Tòa án tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập hợp lệ anh Phạm Minh T yêu cầu anh T đến trụ sở Tòa án để tham gia tổ tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc lần nào và anh T cũng không có cung cấp cho Tòa án bất kỳ một tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-10-2024, cháu Phạm Thị Ngọc D1 là con đẻ của chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T đã trình bày như sau: Cháu là con gái của bố Phạm Minh T và mẹ Nguyễn Thị Th. Hiện nay cháu còn đang đi học và cháu đang trực tiếp ở cùng với mẹ của cháu ở xóm T1, xã L, huyện V. Cháu có chứng kiến việc bố, mẹ cháu mâu thuẫn đánh, cãi, chửi nhau nhưng cháu không biết được nguyên nhân vì lý do gì mà bố, mẹ cháu lại xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nếu bố, mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng muốn được tiếp tục trực tiếp ở cùng với mẹ của cháu. Nguyện vọng cháu muốn được tiếp tục trực tiếp ở cùng với mẹ là do cháu hoàn toàn tự nguyện, không có ai xúi giục hoặc ép buộc gì cháu cả. Vì vậy, cháu đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho cháu được tiếp tục trực tiếp ở cùng với mẹ của cháu.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 14-10-2024, đại diện Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định đã cung cấp như sau:

Về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay của vợ chồng chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T: Chị Th và anh T từ thời điểm kết hôn với nhau cho đến thời điểm hiện nay đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm T1, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Hiện nay, chị Th và người con chưa thành niên thì đang sinh sống tại nhà thuê ở khu vực chợ Hàu, xã L, huyện V, còn một mình anh T thì đang sinh sống tại nhà ở của vợ chồng ở xóm T1, xã L và anh T vẫn thường xuyên có mặt tại xóm T1, xã L.

Về quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T: Chị Th và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1999. Chị Th và anh T có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 22-01-1999 và Ủy ban nhân dân xã L đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị Th và anh T theo đúng quy định của pháp luật. Sau kết hôn chị Th và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được đến khoảng giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách của chị Th và anh T không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống giữa chị Th và anh T thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và không thể hòa

giải được. Chị Th và anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng với nhau từ khoảng giữa năm 2024 cho đến nay. Nay chị Th xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn giữa chị Th và anh T cũng như là nguyện vọng của chị Th và anh T để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung của chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T: Chị Th và anh T có 03 con chung là Phạm Thị LA, sinh ngày 09-02-1999; Phạm T3, sinh ngày 27-01-2005 và Phạm Thị Ngọc D1, sinh ngày 04-10-2012. Hiện nay 02 con chung của chị Th và anh T là chị Phạm Thị LA và anh Phạm T3 thì đều đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được rồi nên địa phương không có ý kiến gì, còn về cháu Phạm Thị Ngọc D1 thì hiện nay còn nhỏ, còn đang đi học và cháu đang trực tiếp sinh sống chung cùng với chị Th. Trường hợp nếu chị Th và anh T ly hôn với nhau thì địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và căn cứ vào nguyện vọng của cháu D1 cũng như là nguyện vọng và điều kiện về kinh tế, về sức khỏe của hai bên đương sự để giao cháu D1 cho chị Th hay anh T trực tiếp nuôi dưỡng để có thể đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu D1 được tốt nhất.

Về điều kiện nuôi con của chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T: Hiện nay cả chị Th và anh T đều có đầy đủ các điều kiện cần thiết để có thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên của vợ chồng được. Chị Th và anh T đều có sức khỏe, có công việc làm ổn định và có thu nhập ổn định. Hiện nay chị Th đang có cửa hàng kinh doanh buôn bán Sơn tại khu vực chợ Hàu, xã L, ngoài ra thì chị Th còn trực tiếp nhận thi công Sơn cho các công trình xây dựng, còn anh T thì cũng trực tiếp đi thi công Sơn cho các công trình xây dựng.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan của chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T: Do chị Th và anh T đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như của Hội đồng xét xử và của Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T.

Về con chung: Chị Th và anh T có 03 con chung là chị Phạm Thị LA, sinh ngày 09-02-1999; anh Phạm T3, sinh ngày 27-01-2005 và cháu Phạm Thị Ngọc D1, sinh ngày 04-10-2012. Hiện nay chị Phạm Thị LA và anh Phạm T3 thì đều đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được rồi và chị Th cũng không yêu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Còn về cháu Phạm Thị Ngọc D1 thì hiện nay vẫn còn đang đi học và cháu đang trực tiếp ở cùng với chị Th và chị Th cũng có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng với chị, mặt khác thì cháu D1 cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở cùng với chị Th. Vì vậy, giao cháu D1 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng với chị Th.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết và cho đến nay anh Phạm Minh T cũng không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp toàn bộ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án thì các đương sự trong vụ án đều có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xóm T1, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th thì thấy chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết về 02 mối quan hệ đó là quan về hôn nhân của chị Th và anh T và quan hệ về con chung chưa thành niên của chị Th và anh T. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Xét trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ và thông báo hợp lệ bị đơn là anh Phạm Minh T để yêu cầu anh T đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh T đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc lần nào. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

[3]. Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 22-01-1999 và Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị Th và anh T theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị Th và anh T đã thỏa mãn đầy đủ các điều kiện về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp. Nên, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng của hôn nhân: Xét sau khi chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T kết hôn với nhau thì chị Th và anh T đã chung sống cùng với nhau tại xóm T1, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định và vợ chồng đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian dài, sau đó đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách của chị Th và anh T không hợp nhau và giữa chị Th với anh T luôn bất đồng quan điểm sống từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng lại xảy ra xô sát với nhau nên vợ chồng chung sống với nhau không được tình cảm và không được hạnh phúc như khoảng thời gian trước đó nữa, mâu thuẫn thì càng ngày lại càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Do đó chị Th và anh T đã phải sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cũng như quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau từ nhiều ngày, tháng nay. Xét hôn nhân của vợ chồng chị Th, anh T hiện nay, Hội đồng xét xử thấy đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mất khác trên thực tế còn thấy đời sống chung giữa chị Th và anh T cũng không còn tồn tại từ nhiều ngày, tháng nay. Nên, mục đích của hôn nhân của vợ chồng chị Th, anh T nay không còn đạt được. Do vậy, đời sống chung của vợ chồng chị Th, anh T không thể kéo dài thêm được nữa. Nên, việc chị Th xin ly hôn với anh T là có căn cứ cả về pháp luật cũng như về thực trạng của hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, xử ly hôn giữa chị Th và anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T có 03 con chung là chị Phạm Thị LA, sinh ngày 09-02-1999; anh Phạm T3, sinh ngày 27-01-2005 và cháu Phạm Thị Ngọc D1, sinh ngày 04-10-2012. Xét chị LA và anh Tú đến thời điểm này thì đều đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được rồi và chị Th cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về 02 người con chung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Còn về cháu D1 thì đến thời điểm này cháu chưa thành niên và cháu vẫn còn đang đi học, chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 từ khi vợ chồng chị Th, anh T sống ly thân với nhau cho đến nay và ly hôn chị Th cũng có nguyện vọng muốn được

tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 và cháu D1 cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở cùng với chị Th, còn về phía anh T thì cho đến nay anh T cũng không có ý kiến hoặc quan điểm gì về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sau khi vợ chồng ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu D1 cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu D1 cùng với chị Th là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Xét trong suốt quá trình tham gia tố tụng chị Nguyễn Thị Th đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về những nội dung này và cho đến nay thì phía anh Tuấn cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về những nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Minh T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Phạm Thị Ngọc D1, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phạm Thị Ngọc D1 thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Anh Phạm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Thị Ngọc D1 cùng với chị Nguyễn Thị Th.

Anh Phạm Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Th.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Th đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0000902 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân

=

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

